

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **176/2024/HNGĐ- ST**

Ngày: 22/7/2024

V/v: *Tranh chấp ly hôn và nuôi con
khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đào Thị Mai Hương

2. Ông Trần Văn Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thảo Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 22/7/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 96/2024/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 4 năm 2024, về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17/6/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 35a/2024/QĐHPT - HNGĐ ngày 03/7/2024, giữa:

* Nguyên đơn: Anh Trần Xuân T, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn Bình Minh, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đơn vị công tác: Kho K28 - Cục kỹ thuật quân khu 2, địa chỉ thôn Lập Thành, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

* Bị đơn: Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn Đình Quải, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

(Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt, chị H vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Trần Xuân T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hoàng Thị H kết hôn vào ngày 13/11/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc, đăng ký trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng anh sống chung cùng gia đình nhà anh một thời gian ngắn sau đó thuê nhà ra ở riêng tại huyện Y. Thời gian đầu vợ chồng

sống hạnh phúc, đến đầu năm 2023 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn là do tính tình hai bên không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm, hiện tại anh và chị H sống ly thân. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, không còn yêu thương quý trọng nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên anh làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Y giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hoàng Thị H.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung, là cháu Trần Ngọc L, sinh ngày 21/3/2014 và cháu Trần Tuấn K, sinh ngày 07/01/2017, hiện hai cháu đang ở với anh. Khi ly hôn anh yêu cầu trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả cháu L và cháu K, anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, vay nợ chung: Anh xác định anh và chị H không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tuy nhiên chị H không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án, không có văn bản trình bày ý kiến. Do đó Tòa án không lấy được lời khai và không tiến hành hòa giải được. Anh T có đơn từ chối hòa giải.

Trong đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, Anh T giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Y phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Đề nghị HĐXX: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh T, xử cho anh Trần Xuân T được ly hôn với chị Hoàng Thị H. Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc L, sinh ngày 21/3/2014 và cháu Trần Tuấn K, sinh ngày 07/01/2017 cho Anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con chung, Anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung nên chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: Anh T xác định không có, nên không yêu cầu HĐXX xem xét giải quyết. Về án phí và quyền kháng cáo: đề nghị HĐXX tuyên Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh T và chị H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 13/11/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc, vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Anh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung, do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định

là: *Tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: kết quả xác minh xác định bị đơn là chị Hoàng Thị H hiện đang cư trú, sinh sống tại xã T, huyện Y. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

[3] Chị H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của anh Trần Xuân T, HĐXX nhận định:

[4.1] Đối với yêu cầu xin ly hôn với chị Hoàng Thị H: Căn cứ kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị H đang sinh sống thường xuyên xác định: Anh T và chị H kết hôn từ năm 2013. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sống tại thôn Đình Quải, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống vợ chồng anh chị hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn cụ thể địa phương không nắm được. Bản thân Anh T xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể quay lại đoàn tụ được. Mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn theo Anh T xác định do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Hiện tại anh chị đã sống ly thân không thể đoàn tụ được. Quá trình giải quyết vụ án, chị H không có ý kiến gì, không có mặt theo yêu cầu của Tòa án để tiến hành hòa giải, điều đó cho thấy chị H cũng không mong muốn hòa giải đoàn tụ. Anh T và chị H đã sống ly thân nhiều năm, không ai quan tâm đến ai. Tình trạng mâu thuẫn giữa Anh T và chị H cũng được gia đình và chính quyền đại phương xác nhận.

Từ những căn cứ trên xác định, tình trạng hôn nhân giữa Anh T và chị H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của Anh T là chính đáng và có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.2] Đối với yêu cầu được giao nuôi con chung khi ly hôn, HĐXX nhận định: Anh T và chị H có 02 con chung, là cháu Trần Ngọc L, sinh ngày 21/3/2014 và cháu Trần Tuấn K, sinh ngày 07/01/2017, hiện cháu L và cháu K đang ở cùng Anh T. Chị H giấu địa chỉ, không rõ nghề nghiệp, mức thu nhập và không có văn bản trình bày nguyện vọng nuôi con. Bản thân Anh T có nguyện vọng được nuôi con, Anh T hiện đang công tác tại Kho K28 - Cục kỹ thuật quân khu 2, có thu nhập ổn định từ ngân sách nhà nước, có chỗ ở ổn định. Các cháu đều trên 7 tuổi và có nguyện vọng được ở với Anh T. Tham vấn ý kiến của gia đình chị H và chính quyền địa phương có ý kiến, trong hoàn cảnh của Anh T thì Tòa án nên giao cả cháu L và cháu K cho Anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Từ những căn cứ trên, HĐXX xét thấy yêu cầu được quyền nuôi con của Anh T là có căn cứ cần được chấp nhận. Do Anh T không yêu cầu cấp dưỡng nên chị H không phải cấp

dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh T xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Anh T phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị H không phải nộp án phí.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 264, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Trần Xuân T về việc xin ly hôn và nuôi con khi ly hôn đối với chị Hoàng Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Xuân T được ly hôn chị Hoàng Thị H. (Giấy chứng nhận kết hôn số 32 ngày 13/11/2013 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc).

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Ngọc L, sinh ngày 21/3/2014 và cháu Trần Tuấn K, sinh ngày 07/01/2017 cho anh Trần Xuân T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Trần Xuân T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000001135626 ngày 17/4/2024 của Công ty Cổ phần thanh toán Quốc gia Việt Nam và theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000756 ngày 22/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Chị Hoàng Thị H không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Toàn

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Huệ - Lộc Thị Kim Thơm

Nguyễn Văn Toàn

